

NHÓM CHỨNG CHỈ CAO SU THUẬN LỢI

**BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)**



THUAN LOI - FCG

Tháng 1, năm 2026

NHÓM CHỨNG CHỈ CAO SU THUẬN LỢI

**BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)**



THUAN LOI - FCG

**Chủ đầu tư
Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi**

**Đơn vị Tư vấn
TT Nghiên cứu và Tư vấn QLTN**

Tháng 1, năm 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	II
DANH MỤC BẢNG	III
I. Giới thiệu	1
II. Mục tiêu, Nội dung và Phương pháp đánh giá	1
2.1. Mục tiêu.....	1
2.2. Nội dung đánh giá	1
2.3. Phương pháp đánh giá	2
III. Kết quả đánh giá.....	2
3.1. Nhận diện thành phần dân tộc/người bản địa.....	2
3.2. Xác định các bên liên quan và vai trò	3
3.3. Tác động tích cực	5
3.4. Thực trạng triển khai FPIC	7
3.5. Ảnh hưởng tiêu cực và dự báo nguy cơ tiềm ẩn	8
3.6. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất kinh doanh cao su	13
IV. Kết luận và kiến nghị	17
4.1. Kết luận	17
4.2. Kiến nghị	18
PHỤ LỤC	20
Phụ lục 1: Bảng câu hỏi phỏng vấn cán bộ xã	20
Phụ lục 2: Bảng hỏi thu thập thông tin từ hộ gia đình	22
Phụ lục 3. Danh sách các hộ dân tiến hành khảo sát hiện trường	25
Phụ lục 4: Danh sách phỏng vấn	27
Phụ lục 5. Một số hình ảnh.....	28



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
CCR	Chứng chỉ rừng
FSC®	Hội đồng quản lý rừng (Forest Stewardship Council)



DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Ảnh hưởng tiêu cực và thực trạng	8
Bảng 2. Dự báo nguy cơ tiềm ẩn và giải pháp khắc phục.....	11
Bảng 3. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cao su.....	14



I. Giới thiệu

Nhóm Chứng chỉ Cao su Thuận Lợi là nhóm hộ thực hiện mô hình quản lý rừng bền vững tại các xã thuộc tỉnh Đồng Nai theo tiêu chuẩn FSC[®], gắn liền việc nâng cao chuỗi giá trị cao su với trách nhiệm môi trường và xã hội.

Quản lý rừng bền vững phải đảm bảo 3 mục tiêu (i) Kinh tế; (ii) Môi trường và (iii) Xã hội, và tuân thủ quy trình, quy phạm, quy định của Nhà nước về quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Nhóm Chứng chỉ cao su Thuận Lợi với Quản lý Nhóm là Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi đăng ký thực hiện chứng chỉ Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC[®] trên địa bàn các xã nhằm góp phần bảo vệ môi trường và cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc. Duy trì và tăng cường phúc lợi xã hội cho người làm nông nghiệp, lâm nghiệp. Ưu tiên bảo đảm công việc ổn định và an toàn lao động cho những người tham gia. Qua đó, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế xã hội tại các xã so với cùng kỳ phát triển.

Hàng năm, Nhóm Chứng chỉ Cao su Thuận Lợi tiếp tục mở rộng diện tích, quy mô trên địa bàn các xã, phường còn lại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy sản xuất nguyên liệu của Công ty TNHH cao su Thuận Lợi và nhu cầu thu mua mủ, gỗ cao su FSC tại địa phương.

II. Mục tiêu, Nội dung và Phương pháp đánh giá

2.1. Mục tiêu

Phân tích, xác định được các tác động và đưa ra biện pháp làm giảm thiểu tác động tiêu cực tới cán bộ, công nhân viên, cộng đồng dân cư và các bên liên quan khi thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh mủ/gỗ cao su của Nhóm.

2.2. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá tác động xã hội gồm 2 phần:

(i) Tác động xã hội nội bộ cơ quan/đơn vị của chủ rừng



Nội bộ đơn vị chủ rừng bao gồm các nhóm đối tượng: Tất cả các thành viên trong Ban Quản lý Nhóm Chứng chỉ Cao su Thuận Lợi, Các đại lý thu mua hộ, và các hộ thành viên Nhóm.

Đánh giá tác động xã hội nội bộ là xem xét các vấn đề ảnh hưởng đến các quá trình vận hành của Ban Quản lý các cấp và các thành viên của nhóm, khi thực hiện các hoạt động lâm nghiệp;

(ii) Tác động xã hội bên ngoài cơ quan/đơn vị có liên quan đến hoạt động lâm nghiệp;

Cộng đồng dân cư sống trong hoặc gần rừng cho chủ rừng quản lý;

Các bên liên quan tại địa phương;

Đánh giá tác động xã hội bên ngoài liên quan đến mối quan hệ giữa chủ rừng với cộng đồng thôn bản và các bên liên quan trong việc chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi từ rừng.

2.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp kế thừa các tài liệu, nghiên cứu đã có.

Phương pháp phỏng vấn hộ gia đình, thiết kế, sử dụng phiếu phỏng vấn chủ rừng để thu thập thông tin về kinh tế, xã hội, hoạt động trồng rừng của chủ rừng (Theo mẫu phỏng vấn như phụ lục 1).

Quan sát thực tế các vấn đề liên quan.

Tham vấn các kết quả, nội dung báo cáo trong quá trình thực hiện.

III. Kết quả đánh giá

3.1. Nhận diện thành phần dân tộc/người bản địa

Các hộ dân là chủ vườn hoặc đang sản xuất cao su trên diện tích tại các xã Thuận Lợi, Long Hà, Nha Bích, Đắk Ô, Phước Sơn, Tân Quan, Tân Hưng, Tân Lợi, Phú Riêng, Đồng Tâm và phường Bình Phước. Thành phần dân tộc ở tỉnh Đồng Nai tương đối đa dạng. Tuy nhiên, thành phần dân tộc chính của Nhóm CC Thuận Lợi là người Kinh và người Tày-Nùng di cư từ miền Bắc vào, kế tiếp là người bản địa tại tỉnh Đồng Nai-người



Xtiêng. Thành phần Dân tộc của thành viên nhóm CC Thuận Lợi tại các xã trên như Bảng sau:

TT	Thành phần dân tộc	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	- Kinh	807	77,15%
2	- Tày – Nùng	208	19,88%
3	- Xtiêng	28	2,68%
4	- Hoa	2	0,19%
5	- H'mông	1	0,1%
Tổng		1.046	100%

Theo khảo sát và thảo luận tại các cuộc họp nhóm, hiện tại không tồn tại các khu rừng thiêng, rừng ma. Người Xtiêng được xem là người dân tộc bản địa ở tỉnh Đồng Nai với nhiều phong tục, tập quán và lễ hội văn hoá đặc sắc riêng. Một số lễ hội chính của người Xtiêng ở tỉnh Đồng Nai, gồm 9 lễ nghi nông nghiệp, 5 nghi lễ vòng đời. Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, những tập tục mang tính không phù hợp đã được loại bỏ và chỉ gìn giữ, phát huy những giá trị văn hoá đẹp, phù hợp với sự phát triển chung của tỉnh. Chẳng hạn như tục Cà răng-Căng tai gần như không còn duy trì.

Ngoài ra, thành viên Nhóm Chứng chỉ Thuận lợi còn có một tỷ lệ khá lớn (trung bình là 20,63%) các hộ dân người dân tộc di cư từ miền Bắc: Tày, Nùng và H'mông. Một lễ hội truyền thống của người Tày-Nùng đã được quan tâm tổ chức là lễ Lồng Tồng.

Nhìn chung, ngoài các giá trị về lễ hội, văn hoá truyền thống của người đồng bào được chính quyền địa phương tạo điều kiện gìn giữ và phát huy, các hoạt động về mặt sản xuất kinh doanh hay sinh hoạt của người dân tộc hiện nay cũng đã phần lớn hội nhập với người Kinh và không có nhiều sự khác biệt lớn giữa các thành phần dân tộc trong canh tác cao su.

3.2. Xác định các bên liên quan và vai trò

Các bên liên quan chịu ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp, tích cực/tiêu cực bởi hoạt động của tổ chức nhóm được tổng hợp trong Bảng sau.



Bảng 1. Các bên liên quan chịu tác động và nhu cầu

Bên chịu ảnh hưởng	Trực tiếp	Giá n tiếp	Tích cực	Tiêu cực	Nhu cầu của họ
Các cấp quản lý nhà nước liên quan	x	x	x		Các cấp quản lý nhà nước như UBND xã/phường; Phòng Kinh tế; Kiểm lâm khu vực... mong muốn thúc đẩy sự phát triển và mở rộng của tổ chức nhóm và duy trì thực hiện QLRBV và chứng chỉ rừng
Cộng đồng địa phương	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng địa phương mong muốn học hỏi kinh nghiệm, kỹ thuật, giống tốt,... - Nhu cầu được tạo điều kiện công ăn việc làm từ các hoạt động SXKD của tổ chức nhóm - Được bồi thường thiệt hại nếu các hoạt động SXKD của nhóm gây ảnh hưởng đến họ
Các tổ đội vận xuất, khai thác, trồng cao su và thu mua mủ/gỗ cao su	x		x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Mong muốn được liên doanh liên kết với Công ty, chủ rừng để nhận khoán thực hiện các hoạt động - Được đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, an toàn lao động - Được chi trả tiền hợp đồng dịch vụ đúng thời hạn
Các doanh nghiệp buôn bán, sản xuất các sản phẩm từ mủ/gỗ cao su; các xưởng xẻ	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Mong muốn được liên doanh liên kết với Nhóm để sản xuất theo mô hình chuỗi - Bao tiêu nguồn nguyên liệu có chứng chỉ thông qua hình thức ký cam kết với người trồng rừng - Hỗ trợ chi phí đánh giá duy trì chứng chỉ để độc quyền nguồn cung cấp nguyên liệu
Các nhà tri thức, các tổ chức bảo vệ môi trường, xã hội	x	x	x		<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi các hoạt động của tổ chức nhằm mục đích bảo vệ môi trường, quyền động vật, đa dạng sinh học, quyền của người lao động,...
Các thành viên là chủ rừng	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Mong muốn đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến chứng chỉ rừng (giám sát đánh giá, kê khai hồ sơ lâm sản,...) - Nhu cầu tập huấn, nâng cao năng lực - Nhu cầu về nguồn vốn để tái sản xuất



(Kết quả thảo luận tại một số đợt truyền thông/tập huấn nhóm năm 2026)

3.3. Tác động tích cực

3.3.1. Quyền người lao động, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, bình đẳng giới (Nguyên tắc 2)

- Các hoạt động của Nhóm hộ đã tạo ra việc làm ổn định cho các hộ Thành viên, dự kiến nâng cao thu nhập đối với mù/gỗ được cấp chứng nhận FSC. Các hoạt động sản xuất của các hộ gia đình thành viên chủ yếu do các thành viên trong gia đình thực hiện nên không có tình trạng bất bình đẳng, không phân biệt giới tính, sắc tộc, tôn giáo.

- Khu vực diện tích tham gia cấp chứng chỉ rừng của các hộ thành viên là khu vực đã được quy hoạch trồng rừng sản xuất hoặc đất trồng cây lâu năm, không có tranh chấp, đã có ranh giới cụ thể, rõ ràng từng lô đất trên bản đồ và thực địa. Không có chuyển đổi rừng tự nhiên sang trồng rừng từ năm 1994 cho đến nay. Tỷ lệ hộ thành viên được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất gần 90%.

- Cơ hội việc làm, thu nhập, bình đẳng giới trong lao động đã được cải thiện một cách đáng kể từ khi Nhóm hộ chứng chỉ rừng được hình thành và phát triển. Nhóm hộ có các cam kết về: chống quấy rối tình dục, phân biệt đối xử về giới tính, tham nhũng và những vấn đề này được ghi nhận không diễn ra trong nhiều năm qua. Đặc biệt UBND tỉnh Đồng Nai và các xã có nhiều chính sách ưu tiên cho con em là người dân tộc trong tuyển dụng lao động, việc làm.

- Đóng góp về mặt kinh tế. Hoạt động kinh doanh rừng đã tạo công ăn việc làm cho nguồn lao động tại địa phương và các xã lân cận. Điều này được thể hiện qua kết quả phỏng vấn đại diện các xã/ấp, hoạt động kinh doanh sản xuất cao su giúp gia tăng hiệu quả kinh tế cho chủ rừng và tạo ra công việc cho những người dân lân cận. Do đó, hoạt động sản xuất rừng trồng bền vững giúp đẩy mạnh công cuộc xóa đói giảm nghèo tại địa phương và các vùng phụ cận.

- Các Hộ dân được tập huấn và hướng dẫn sử dụng các dụng cụ bảo hộ an toàn lao động cho người lao động phù hợp với điều kiện làm việc khác nhau theo quy định như: “được trang bị, hướng dẫn sử dụng bảo hộ thợ cưa theo yêu cầu quốc tế”; Hướng dẫn, tập huấn sử dụng hóa chất đảm bảo an toàn cho sức khỏe của người lao động theo quy định do nhóm hộ tổ chức..

- Trong nhiều năm qua không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiêu cực về quyền của người lao động, không xảy ra tai nạn, đảm bảo an toàn lao động và quyền bình đẳng giới



của tất cả các chủ rừng của Nhóm. Chính quyền địa phương và nhóm hộ có cơ chế, quy trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp được ban hành và áp dụng để xử lý khi có các vụ việc liên quan xảy ra.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ trong Ban Quản lý Nhóm Chứng chỉ Cao su Thuận Lợi cũng như các đầu mối thu mua và thành viên hộ gia đình về Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC. Căn cứ các rà soát điều kiện ban đầu và giám sát hiện trường, Ban Quản lý Nhóm sẽ xây dựng kế hoạch tập huấn (nội dung tập huấn, thời gian tập huấn, số lượng người tham gia...), xây dựng chiến lược truyền thông để tăng cường kiến thức về Quản lý RBV theo tiêu chuẩn FSC và thay đổi nhận thức, tập quán canh tác của người dân địa phương theo hướng bền vững.

- Tăng cường sự tham gia quản lý và vận hành hệ thống Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC® giữa các bên liên quan tại địa phương. Điều này góp phần rất lớn trong quá trình quản lý Nhóm Chứng chỉ Cao su Thuận Lợi đáp ứng các tiêu chuẩn Quốc tế.

3.3.2. Người dân tộc và các quyền hợp pháp và/hoặc quyền truyền thống. (Nguyên tắc 3)

Người dân tộc và các quyền hợp pháp và/hoặc quyền truyền thống liên quan đến hoạt động quản lý

- Thành phần dân tộc chủ yếu tham gia nhóm chứng chỉ Thuận Lợi: dân tộc tham gia nhóm chiếm nhiều nhất là dân tộc Kinh chiếm 76,41%; còn lại chiếm 23,59% bao gồm các dân tộc Xtiêng, Tày-Nùng, Hoa và H'mông.

Kết quả phỏng vấn các bên liên quan tại địa phương cho thấy người dân các dân tộc tại đây, chung sống với nhau đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong đời sống sản xuất với mục tiêu cùng phát triển. Trên địa bàn người dân tộc thiểu số/bản địa, không có quyền truyền thống, họ có các quyền lợi hợp pháp và các nghĩa vụ bình đẳng như người dân tộc Kinh. Người các dân tộc khác cũng có chung chính sách và được ưu tiên hơn so với người dân tộc Kinh như được hỗ trợ bảo hiểm xã hội, con em người dân tộc đến trường học không phải đóng học phí, hỗ trợ tập huấn đào tạo, tạo công ăn việc làm, hướng nghiệp và các chính sách vay vốn ưu đãi.

- Nhóm hộ chứng chỉ cao su Thuận Lợi đã và luôn xác định duy trì các quyền hợp pháp của người dân tộc đối với các quyền quản lý và sử dụng đất đai, quản lý và sử dụng các tài nguyên lâm sản ngoài gỗ khác ngoài mủ cao su để phục vụ sinh hoạt hàng ngày của



người dân. Tuy nhiên, nguồn lâm sản ngoài gỗ hiện còn là rất ít, đã cạn kiệt chỉ được thu hái sử dụng trong gia đình. không được thu hái để bán.

- Tại khu vực trồng cao su của hộ gia đình tham gia Nhóm Chứng chỉ Thuận Lợi và các khu rừng cao su lân cận chưa thấy có xuất hiện kiến thức truyền thống của người dân tộc. Việc trồng, chăm sóc và khai thác Cao Su được áp dụng các kiến thức, quy trình chung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành.

- Các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân chủ yếu sử dụng lao động chính trong gia đình hoặc thực hiện làm đôi công với anh em cùng dòng họ, không sử dụng lao động bị quản thúc, không sử dụng trẻ em dưới 16 tuổi, bình đẳng về thu nhập, bình đẳng giới, bình đẳng giữa các dân tộc và các vấn đề liên quan khác theo quy định của Chính Phủ Việt Nam và quy định của Hội đồng chứng chỉ rừng thế giới.

3.3.3. Cải thiện sinh kế cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương

Có tới hơn 80% số hộ trên địa bàn đã và đang sở hữu và trồng, sản xuất rừng/vườn Cao Su. Người dân địa phương tham gia các hoạt động sản xuất theo hình thức làm đôi công hoặc làm khoán theo thời vụ như: trồng rừng, chăm sóc rừng trồng, khai thác rừng trồng..vv. các hoạt động này giúp tạo thêm thu nhập và việc làm cho lao động địa phương. Chính quyền địa phương xác nhận là người dân đã đánh giá khá tốt lợi ích của sản xuất kinh doanh cao su, giúp cộng đồng phát triển kinh tế xã hội vì nó không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cho chủ rừng/vườn mà những người trong cộng đồng cũng được hưởng lợi. Cây trồng Cao Su là Cây chủ đạo và là mũi nhọn phát triển kinh tế của tỉnh Đồng Nai. Nó đã và đang mang lại nhiều nguồn thu cho người dân, nâng cao thu nhập, đời sống, tạo công ăn việc làm phát triển kinh tế - xã hội.

3.4. Thực trạng triển khai FPIC

Trong quá trình xây dựng và triển khai công tác quản lý và hoạt động sản xuất, tìm kiếm sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được thông tin đầy đủ luôn là định hướng trong chiến lược của Nhóm. Nhóm hộ đã có mối quan hệ và phối hợp tốt với chính quyền và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng, triển khai, giám sát các hoạt động sản xuất. Điều đó được thể hiện qua vấn đề cơ bản sau:

- Trước khi thành lập Nhóm hộ, công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương triển khai tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới người dân từng ấp. Tổ chức các cuộc tập huấn cung cấp thông tin đầy đủ về mô hình nhóm hộ và Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC.



Kế hoạch triển khai thực hiện và lợi ích Kinh tế - Môi trường – Xã hội cho toàn thể người dân trồng rừng Cao Su tại nhà Văn hóa các thôn và ghi nhận ý kiến phản hồi từ người dân.

- Khi có các vấn đề thắc mắc của các cơ quan và người dân địa phương, Nhóm hộ đã chủ động phối hợp với các bên liên quan để giải quyết, làm rõ các vấn đề thấu tình đạt lý.

- Các kết quả của báo cáo đánh giá chuyên đề, Phương án quản lý rừng bền vững và Sổ tay quản lý nhóm cũng sẽ được Ban Quản lý Nhóm Tham vấn các bên liên quan một cách công khai, minh bạch nhằm tiếp thu các ý kiến góp ý phản hồi để hoàn thiện hơn trong hoạt động quản lý và sản xuất cao su của Nhóm.

3.5. Ảnh hưởng tiêu cực và dự báo nguy cơ tiềm ẩn

Một số mặt hạn chế tiêu cực đã và có thể xảy ra khi người dân kinh doanh trồng cao su như sau:

(1) Một số hộ gia đình vẫn sử dụng lửa không kiểm soát để xử lý thực bì trước khi trồng rừng.

(2) Sử dụng hóa chất, thuốc BVTV trong quá trình canh tác.

(3) Thiên tai làm gãy đổ cây

(4) Nguồn thu mua chưa ổn định, còn bấp bênh và phụ thuộc nhiều vào thị trường.

(5) Nguồn cây giống đạt chuẩn chưa phong phú, giống tại địa phương chưa đảm bảo tiêu chuẩn.

(6) Thiếu hụt tài chính do kinh doanh rừng có chu kỳ dài hơn kinh doanh nông nghiệp.

(7) An toàn trong sản xuất, lao động chưa được quan tâm

(8) Đường lâm sinh, đường dân sinh bị hư hỏng khi khai thác rừng.

Bảng 1. Ảnh hưởng tiêu cực và thực trạng

TT	Nội dung/ Hoạt động	Ảnh hưởng	Thực trạng
1	Đốt thực bì trước khi trồng rừng và sau khi khai thác.	<p>Nguy cơ cháy lan vào rừng chưa khai thác ở các lô lân cận.</p> <p>Khi cháy rừng sẽ thiệt hại về kinh tế; Tốn công sức và tiền của khi tham gia chữa cháy.</p> <p>Người tham gia chữa cháy (nếu xảy ra cháy lan) sẽ đối diện với nguy</p>	<p>Đây là hoạt động đang thường xuyên diễn ra trên địa bàn các xã đánh giá do việc dùng lửa để xử lý thực bì đem lại nhiều lợi ích đặc biệt về kinh tế đối với người</p>



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)

		ơ bị ảnh hưởng đến sức khỏe như bông, ngạt, tai nạn khác.	trồng rừng như ít công, nhanh và dễ thực hiện.
2	Sử dụng hóa chất diệt cỏ.	<p>Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng như ngộ độc khi thường xuyên hít phải.</p> <p>Ô nhiễm đến nguồn nước khi dư lượng thuốc diệt cỏ chưa phân huỷ hết và ngấm xuống đất cũng như mạch nước ngầm.</p>	Trước đây đã có hộ gia đình trong vùng sử dụng, tuy nhiên người dân nhận thấy việc sử dụng thuốc diệt cỏ sẽ ảnh hưởng lớn đến con người và môi trường nên họ không sử dụng.
3	Thiên tai như gió bão hoặc nắng nóng.	Nếu trồng thuần loài, đều tuổi khi gặp thiên tai như cháy rừng, gió bão sẽ gây thiệt hại lớn đến kinh tế	Các xã đánh giá thuộc khu vực miền Trung, nơi thường xuyên đối mặt với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng vào mùa khô và thường hứng chịu gió bão vào mùa mưa.
4	Đầu ra không ổn định.	Thương lái là người trực tiếp thu mua rừng của người dân nên giá cả gần như thương lái quyết định. Khi nguồn nguyên liệu dồi dào họ dễ ép giá sản phẩm, đặc biệt khi gặp thiên tai gió bão làm gãy đổ tư thương ép giá rất rõ ràng và người dân buộc phải bán để hạn chế thiệt hại.	Hiện nay người dân trồng rừng chưa có nguồn thu mua ổn định, phụ thuộc nhiều vào thương lái;
5	Nguồn gốc cây giống chưa đảm bảo.	Nguồn gốc cây giống chưa được đảm bảo, chưa kiểm tra được xuất xứ nên chất lượng và năng suất rừng trồng biến động mạnh giữa các hộ và các lô rừng.	Người dân chưa chú ý về nguồn gốc cây giống. Một số hộ dân thường mua cây con ở các vườn ươm hộ gia đình chưa đảm bảo chất lượng.
6	Trang phục bảo hộ và an toàn lao động.	Dễ xảy ra tai nạn khi trực tiếp tham gia sản xuất lâm nghiệp như quá trình làm đất, khai thác, sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật.	Người dân thường chủ quan vì nghĩ rằng bản thân có kinh nghiệm trong các khâu sản xuất,



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)

			<p>dẫn đến việc không quan tâm đến các tai nạn rủi ro.</p> <p>Giá thành của đồ bảo hộ lao động khá đắt.</p> <p>Không quen khi sử dụng.</p>
7	Hư hỏng đường dân sinh (cộng đồng).	Vào mùa mưa nước đọng che khuất các hố sâu có thể gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông của người dân địa phương và khu vực lân cận	Một số vị trí đường dân sinh bị hư hỏng, xuất hiện “ổ gà”, mặt đường bong tróc.
8	Sạt lở đường lâm sinh.	<p>Đường lâm sinh hư hỏng gây khó khăn cho quá trình vận chuyển cây con trồng rừng hoặc gỗ khi khai thác.</p> <p>Gặp sự cố cháy rừng các phương tiện tham gia chữa cháy khó di chuyển để tiếp cận sát đám cháy.</p>	Rừng ở khu vực Nhóm tương đối bằng phẳng, các thành viên Nhóm chưa tiến hành thanh lý vườn, khai thác gỗ nên chưa phát hiện tác động của việc vận xuất gỗ cao su đến đường khai thác.
9	Khai thác gỗ/mủ	<p>Khai thác gỗ dễ gây ra cây đổ, gãy vào trong khu vực lãng mộ</p> <p>Khai thác mủ dễ gây ra rác thải từ quá trình khai thác mủ, chăm sóc vườn như vỏ máng thu mủ, rác thải sinh hoạt của người cạo mủ và rác thải từ chai lọ thuốc BVTV...</p>	Số lượng lãng mộ tồn tại trong phạm vi diện tích cao su của Nhóm không nhiều, nằm rải rác. Bên cạnh đó, mật độ cao su thấp và là cây trồng chu kỳ 20-25 năm. Do đó, tác động của hoạt động kinh doanh cao su hộ tiểu điền không ảnh hưởng đáng kể đến khu vực lãng mộ đang tồn tại.

(Nguồn: Thảo luận nhóm và phân tích, 2025-2026)



Bảng 2. Dự báo nguy cơ tiềm ẩn và giải pháp khắc phục

TT	Nội dung dự báo	Nguy cơ xảy ra	Giải pháp khắc phục
1	Cháy rừng do đốt thực bì.	Cao	<p>Tuyên truyền nâng cao nhận thức, hạn chế việc sử dụng lửa để đốt thực bì. Nên xử lý thực bì bằng cách băm nhỏ thực bì và để thực bì tự phân huỷ.</p> <p>Tập huấn kỹ thuật nâng cao năng lực cho người dân.</p> <p>Không được đốt xử lý thực bì khi có dự báo cháy rừng cấp 4 và cấp 5.</p> <p>Kết hợp với lực lượng chức năng giám sát chặt chẽ việc sử dụng lửa đốt xử lý thực bì vào mùa khô nóng.</p> <p>Trong trường hợp phải sử dụng biện pháp đốt xử lý thực bì cần thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật lâm sinh trong xử lý thực bì, đặc biệt là làm đường ranh đúng tiêu chuẩn và đốt đúng kỹ thuật.</p>
2	Thiên tai như gió bão, nắng nóng kéo dài.	TB	<p>Trồng hỗn giao các hàng cây bản địa vừa hạn chế cháy lan và là đai chắn gió an toàn cho cây vườn cao su.</p> <p>Trồng lệch chu kỳ tránh rừng đều tuổi.</p>
3	Đầu ra không ổn định.	TB	<p>Ban Quản lý Nhóm Chứng chỉ Thuận Lợi cần phối hợp với doanh nghiệp thu mua gỗ uy tín, đảm bảo giá cả đầu ra cho người trồng rừng. Ưu tiên các doanh nghiệp, nhà máy thu mua và sản xuất nguyên liệu hiện đang đóng trên địa bàn. Nhằm mục đích nâng cao giá trị gỗ FSC đầu ra và giảm chi phí phát sinh do vận chuyển. Đồng thời, tìm nguồn thu mua và ký cam kết đảm bảo bao tiêu sản phẩm đầu ra đặc biệt khi gặp thiên tai gió bão làm gãy đổ tránh việc tư thương mua ép giá.</p> <p>Thường xuyên cập nhật và công khai giá cả thị trường và quy cách mua bán gỗ cho các thành viên trong nhóm biết.</p>



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)

4	Trang phục bảo hộ và an toàn lao động.	TB	<p>Trang bị các trang phục bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, đặc biệt bảo hộ khi khai thác.</p> <p>Tập huấn nâng cao kỹ năng sử dụng phương tiện cơ giới, máy móc.</p> <p>Trang bị các túi cứu thương hiện trường và tập huấn về an toàn lao động cũng như cách sơ cấp cứu các tai nạn thường gặp trên hiện trường rừng.</p>
5	Hư hỏng đường dân sinh.	TB	<p>Giám sát tải trọng của các xe vận chuyển gỗ.</p> <p>Đề xuất đóng góp quỹ cho địa phương để duy tu bảo dưỡng định kỳ đường dân sinh.</p> <p>Nếu quá trình vận chuyển gỗ gây hư hỏng trực tiếp cần có biện pháp yêu cầu khắc phục.</p>
6	Sạt lở đường lâm sinh.	Thấp	<p>Rừng ở khu vực đánh giá tương đối bằng . Tuy nhiên để tránh tác động đến các đường vận xuất trong và giữa các lô rừng, cần ưu tiên sử dụng, sửa chữa đường vận xuất sẵn có.</p> <p>Không thi công mở đường khai thác vào thời điểm mùa mưa chính của địa phương.</p>
7	Sử dụng hóa chất, thuốc BVTV	Cao	<p>Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân nhằm hạn chế việc sử dụng hóa chất trong các hoạt động sản xuất nông-lâm nghiệp nói chung và lâm nghiệp nói riêng.</p> <p>Công khai danh mục các loại hoá chất cấm sử dụng trong Quản lý rừng bền vững tại các nhà họp cộng đồng, Họp tác xã.</p>
8	Nguồn giống chưa đảm bảo.	Thấp	<p>Đề xuất một số công ty cung cấp giống đảm bảo tiêu chuẩn.</p> <p>Xây dựng vườn ươm đạt tiêu chuẩn để cung cấp nguồn cây giống cho địa phương.</p>
9	Gây hư hại và mất mỹ quan lãng mộ	Thấp	<p>Định kỳ tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức của thành viên Nhóm về Quy trình thu gom, xử lý rác thải trong quá trình sản xuất nông-lâm nghiệp. Đặc biệt chú ý vệ sinh môi trường ở các khu vực có tồn tại lãng mộ.</p>



			Thực hiện Quy trình khai thác tác động thấp đối với vườn tái canh. Đảm bảo không gây ra cây gãy đổ dẫn đến hư hỏng lăng mộ
--	--	--	--

(Nguồn: Thảo luận nhóm và phân tích, 2025-2026)

3.6. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất kinh doanh cao su

Thông qua các buổi thảo luận nhóm, chúng tôi nhận thấy có nhiều nguy hiểm thường trực đối với người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất lâm nghiệp. Trong đó, các mối nguy hiểm tập trung vào các nhóm hoạt động: trồng rừng (xử lý thực bì, đào hố làm đất, trồng cây), chăm sóc, bảo vệ, khai thác mủ/gỗ và vận xuất, vận chuyên.

Phần lớn các hoạt động sản xuất lâm nghiệp có rủi ro cao là do thiếu các trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp và do tính chủ quan của người lao động.

Dựa trên việc nhận diện và dự báo các rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra tai nạn cho người lao động trong quá trình sản xuất lâm nghiệp. Chúng tôi đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hạn chế các thương tích nghiêm trọng.



Bảng 3. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cao su

Mối nguy hiểm tiềm ẩn	Nguyên nhân	Giải pháp giảm thiểu
Bụi ảnh hưởng đến đường hô hấp.	Bụi từ đất đóng bầu làm ảnh hưởng đến đường hô hấp nếu không có khẩu trang bảo vệ.	Trang bị khẩu trang chống bụi đặc biệt khẩu trang chống bụi mịn.
Ngộ độc do tiếp xúc không an toàn với một số hoá chất.	Tiếp xúc trực tiếp không có các bảo hộ thích hợp.	Khi tiếp xúc trực tiếp phải có găng tay, khẩu trang, sau khi tiếp xúc cần tắm rửa sạch sẽ và thay áo quần.
Điện giật.	Rò rỉ điện ở các vị trí đấu nối, tiếp xúc không có thiết bị an toàn.	Thường xuyên kiểm tra các điểm đấu nối, khi tiếp xúc với các dụng cụ điện phải dùng găng tay cách điện.
Các loài động vật độc như rắn, rết, bọ cạp, ong chích, cắn.	Đây là nguy cơ xảy ra khá cao vì các loại này thường ẩn nấp dưới các tầng thảm mục, tán cây...	Cần xua đuổi, đánh động cho các vật độc di chuyển khỏi vị trí chúng ta làm việc. Mang trang phục bảo hộ lao động như găng tay, ủng, áo quần bảo hộ để hạn chế nọc độc tiếp xúc vào cơ thể khi bị tấn công.
Bỏng, ngạt do lửa.	Do đốt thực bì trước khi trồng, nguy cơ cháy lan vào rừng và người dân tham gia chữa cháy.	Chú ý an toàn khi tham gia chữa cháy, cần tham gia các khoá tập huấn nâng cao kỹ năng phòng cháy và chữa cháy rừng. Khi thấy mối nguy hiểm từ đám cháy lớn thì không được tiến hành chữa cháy trực tiếp. Tuân thủ sự chỉ đạo của người chỉ huy chữa cháy.
Trơn trượt ngã trên các sườn dốc.	Rừng có độ dốc khá lớn. Nguy cơ trượt chân ngã khi di chuyển hoặc trồng rừng trên sườn dốc, đặc biệt là vào mùa mưa.	Sử dụng ủng có độ bám tốt vào mùa mưa khi tiến hành các hoạt động trên đất dốc.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)

Đá, đất lăn, trượt theo sườn dốc.	Rừng núi có kết cấu đất yếu, độ dốc cao.	Sau khi mưa lớn cần kiểm tra nền đất trước khi tiến hành các hoạt động. Nếu thấy nền đất yếu cần dừng ngay các hoạt động.
Ngộ độc (nguồn nước, nấm độc, hoa quả, lá cây ở trong rừng).	Do sự chủ quan nên người dân bất cẩn trong việc sử dụng các loại thức ăn nước uống tự nhiên.	Không ăn các loại quả, nấm lạ. Nên chuẩn bị thức ăn, nước uống ở nhà và đem theo để đảm bảo an toàn.
Say nắng.	Tham gia trực tiếp dưới nắng nóng thời gian dài.	Đảm bảo thời gian nghỉ ngơi, tránh việc lạm dụng sức khỏe và làm việc quá sức.
Cây đổ.	Chặt hạ không đúng kỹ thuật. Do việc luống phát dây leo chưa thực hiện tốt. Do tác động của gió (hướng và tốc độ).	Tập huấn kỹ thuật khai thác cho công nhân khai thác gỗ. Phải tiến hành công tác phát dọn cây bụi, dây leo xung quanh gốc cây.
Cành cây khô mục gãy rơi xuống.	Cành nhánh khô nhưng chưa rơi xuống.	Khi chặt hạ chú ý kiểm tra cành nhánh khô trên tán cây, nếu có phải tác động cho cành nhánh khô rụng trước khi chặt hạ.
Mắt thẳng bằng ngã bỏ theo cây chặt.	Do đứng không đúng vị trí khi khai thác.	Tập huấn kỹ thuật khai thác. Nâng cao ý thức khi chọn vị trí khi khai thác.
Đút xích cưa xăng.	Không kiểm tra kỹ dụng cụ trước khi hoạt động. Không có bảo hộ lao động đúng chuẩn trong khai thác.	Kiểm tra các dụng cụ đảm bảo an toàn trước khi thực hiện. Sử dụng trang bị bảo hộ lao động đúng chuẩn khi tiến hành khai thác.
Gãy lưỡi cưa.	Không kiểm tra kỹ dụng cụ trước khi hoạt động. Không có bảo hộ lao động đúng chuẩn trong khai thác.	Kiểm tra các dụng cụ đảm bảo an toàn trước khi thực hiện. Sử dụng trang bị bảo hộ lao động đúng chuẩn khi tiến hành khai thác.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)

Bụi (từ mặt cưa).	Không có bảo hộ lao động đúng chuẩn trong khai thác.	Sử dụng trang bị bảo hộ lao động đúng chuẩn khi tiến hành khai thác, chú ý ốp bịt tai.
Tiếng ồn từ máy cưa (giảm thính giác).	Không có bảo hộ lao động đúng chuẩn trong khai thác.	Sử dụng trang bị bảo hộ lao động đúng chuẩn khi tiến hành khai thác, chú ý ốp bịt tai.
Đút cáp tời xe.	Rừng có độ dốc lớn. Không kiểm tra cẩn thận trước khi vận hành.	Phải thường xuyên kiểm tra hệ thống an toàn của xe tải trước khi vận hành.
Xe trôi xuống dốc.	Rừng có độ dốc lớn. Không kiểm tra cẩn thận trước khi vận hành.	Phải thường xuyên kiểm tra hệ thống an toàn của xe tải trước khi vận hành..
Gỗ trôi từ trên cao xuống.	Rừng có độ dốc lớn. Thói quen lao gỗ từ trên đỉnh dốc xuống.	Cần tránh lao gỗ từ trên xuống ở nơi có độ dốc lớn. Cần có biển cảnh báo khu vực tập kết gỗ.
Nước lũ cuốn.	Có nhiều khe suối trong rừng. Độ dốc lớn nên dễ có lũ lớn khi trời mưa.	Khi có mưa lớn, cần tìm chỗ tránh trú an toàn, không vượt qua các ngầm nước và các con suối. Hạn chế hoạt động trong mùa mưa.
Gỗ đè.	Do việc bóc dỡ thủ công và không có các thiết bị bảo hộ đúng chuẩn.	Tuân thủ quy tắc khi bóc và xếp gỗ. Sử dụng các thiết bị bảo hộ thích hợp.
Người rơi khỏi xe.	Chở người trên xe vận chuyển gỗ trong khi đường lâm sinh rất gồ ghề và khúc khuỷu.	Tuyệt đối không được vận chuyển người trên thùng xe tải.
Gỗ rơi xuống đường	Không buộc gỗ chắc chắn khi vận chuyển.	Gỗ phải được xếp gọn gàng và buộc chắc chắn trên thùng xe, đảm bảo không bị rớt trong quá trình di chuyển.
Lật xe	Đường lâm sinh gồ ghề, khúc khuỷu. Có thể do chở quá tải. Hệ thống an toàn của xe không tốt.	Kiểm tra hệ thống an toàn của xe trước khi vận hành. Không chở quá tải trọng cho phép. Hạn chế hoạt động vào mùa mưa.



IV. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Đã phân tích và tổng hợp được các vấn đề tích cực mà hoạt động lâm nghiệp đem lại cho cộng đồng dân cư về kinh tế và xã hội bao gồm bốn nhóm chính: (1) Không xảy ra xung đột trong hoạt động trồng rừng giữa các bên liên quan; (2) Thay đổi về nhận thức theo chiều hướng tích cực trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp; (3) Tạo nguồn thu nhập cho người dân địa phương khi tham gia vào các hoạt động trồng, chăm sóc, khai thác...; (4) Tham gia vào nhóm chứng chỉ rừng đem lại lợi ích về kinh tế.

Thông qua phỏng vấn và khảo sát hiện trường, một số kết luận có thể khái quát hoá:

- Không có biểu hiện mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Nhóm và các hộ gia đình sống liền kề cũng như giữa các dân tộc trong ấp, cộng đồng, xã. Các hoạt động của Nhóm Thuận Lợi không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của các hộ lân cận. Người dân tộc trong khu vực được đối xử bình đẳng như người kinh và không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ các hoạt động quản lý Nhóm hộ.

- Các quyền hợp pháp, và quyền truyền thống của người dân tộc không bị ảnh hưởng khi Nhóm hộ chứng chỉ rừng thực hiện các hoạt động QLRBV tại địa phương.

- Các quyền, phong tục, văn hóa của người dân tộc tại địa phương được xác định trong UNDRIP và Công ước ILO, 169 không bị vi phạm.

- Trong khu vực điều tra đánh giá không thấy xuất hiện các địa điểm có ý nghĩa đặc biệt về văn hóa, sinh thái cảnh quan, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tộc tại khu vực này (Không hiện hữu rừng có giá trị bảo tồn cao HCVF5; HCVF6).

- Trong khu vực không thấy xuất hiện kiến thức truyền thống, bản địa của người dân tộc, hình thức canh tác của người dân tộc hiện tại cũng tương đồng với người kinh, người dân tộc học hỏi người kinh về kiến thức và kỹ thuật thâm canh trồng rừng Cao Su.

- Các hộ gia đình trồng rừng tự nguyện đăng ký tham gia nhóm chứng chỉ, sử dụng lao động chính tại địa phương là những thành viên trong gia đình họ đủ tuổi lao động phù hợp với các nguyên tắc và quyền về việc làm được nêu trong mục 8 Công ước Lao động cốt lõi đã được ILO tuyên bố về Nguyên tắc và quyền cơ bản của người lao động.

- Không thấy bất cứ hình thức lao động cưỡng bức nào trong khu vực. Hoạch lao



động trẻ em chưa đủ 16 tuổi tham gia lao động trong hoạt động Nhóm

- Không có tranh chấp đất đai, không có chuyển đổi rừng tự nhiên sang trồng rừng từ trước năm 1994. Ranh giới lô rừng, thửa đất của Hộ gia đình/chủ sử dụng đất lâm nghiệp rõ ràng ở thực địa và trên bản đồ. người dân sử dụng ổn định lâu dài

- Được trang bị bảo hộ lao động và được tham gia các lớp tập huấn về an toàn lao động, tập huấn quy trình kỹ thuật QLRBV là bình đẳng như nhau trước pháp luật./.

Trong tổng số 1.013 hộ đăng ký tham gia Nhóm Chứng chỉ Thuận Lợi, có 929 hộ (chiếm 91,71 %) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 84 hộ (chiếm 8,29%) chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, các hộ này đã được chính quyền địa phương xác nhận các diện tích này là đất canh tác ổn định, không tranh chấp. Các hộ này sẽ được cập nhật tình trạng pháp lý về diện tích đăng ký nhóm Chứng chỉ khi có thay đổi hoặc được cấp sổ.

Báo cáo cũng đã tìm ra 8 vấn đề tiêu cực, hạn chế còn tồn tại, đồng thời đã đề xuất cụ thể các giải pháp khắc phục nhằm hạn chế và giảm thiểu tác động tiêu cực.

4.2. Kiến nghị

Ngoài các đề xuất đã được nêu cụ thể trên, để nâng cao hiệu quả về mặt xã hội và tính khả thi cho các giải pháp cần chú ý một số vấn đề sau:

Các hộ dân tham gia nhóm chứng chỉ Thuận Lợi cần tuyên truyền cho người dân chưa tham gia vào nhóm biết được hiệu quả của việc trồng cao su theo tiêu chuẩn FSC®, hiểu được những lợi ích về kinh tế, môi trường và xã hội khi tham gia vào quản lý rừng bền vững gắn với chứng chỉ rừng

Tăng cường sự tham gia của các cấp chính quyền và các bên liên quan trong công tác tuyên truyền mở rộng việc thực hiện quản lý rừng bền vững và làm cấp chứng chỉ rừng FSC cho hộ gia đình, góp phần tăng tính bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái - phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.

Cần có các chế tài xử phạt đối với những hộ dân chưa chấp hành tốt các nguyên tắc và tiêu chí của tiêu chuẩn FSC như xả rác thải, sử dụng hoá chất không kiểm soát, đốt rừng không kiểm soát.

Đối với phần diện tích tham gia FSC tăng thêm hàng năm, cần tiến hành đánh giá tác động môi trường, tác động xã hội bổ sung nhằm duy trì và phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, kinh tế xã hội của người



dân.

Thường xuyên trang bị và cập nhật các kiến thức về an toàn lao động cho người lao động. Luôn tuân thủ các quy trình sản xuất và các chỉ dẫn đề ra trong khi sử dụng máy móc thiết bị trong sản xuất.



PHỤ LỤC

**Phụ lục 1: Bảng câu hỏi phỏng vấn cán bộ xã
PHIẾU PHỎNG VẤN CÁN BỘ UBND XÃ**

Tên xã:huyện: Tỉnh:
Họ và tên người được phỏng vấn:
Chức vụ: Thông tin liên lạc (Sđt):

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổng số hộ trong xã: Tổng số nhân khẩu:
2. Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm):.....
3. Cơ cấu thu nhập (%):
NLN:.....% CN-TTCN:.....% TM-DV:.....%
4. Tổng diện tích tự nhiên của xã:
5. Tổng diện tích đất lâm nghiệp tại xã?
6. Diện tích các loại rừng: RĐĐ: RPH:..... RSX:
7. Tổng diện tích rừng trồng?
8. Tổng diện tích rừng tự nhiên?
9. Tổng diện tích rừng Cao su:
10. Diện tích cây bản địa:
11. Diện tích rừng đã giao: Diện tích chưa giao:
12. Số hộ được nhận rừng: Số hộ có sổ đỏ:
13. Diện tích rừng tự nhiên trong xã tăng hay giảm so với trước đây?
Tăng/giảm bao nhiêu?
- Nguyên nhân:

B. CÁC THÔNG TIN VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Khu vực có xuất hiện loài di cư nào không?
2. Khu vực có vùng đầu nguồn xung yếu không?
3. Có bao nhiêu người phụ thuộc vào khu vực này?
4. Người dân trong xã có hay vào rừng thu hái lâm sản ngoài gỗ không?



5. Liệt kê các loài động thực vật **có gặp** trong và gần các khu rừng trồng Cao su?

Các loài động, thực vật quý hiếm:

Hình thức phát hiện:

Các loài động vật:

Các loài cây trồng và cây bản địa:

Các loài Lâm sản ngoài gỗ:

Các loài thủy sản thường gặp:

6. Người dân trong xã có phụ thuộc vào các nguồn nước tự nhiên không?

Tỷ lệ phụ thuộc là bao nhiêu %?

7. Khu vực xã có đền thờ/miếu mạo/nghĩa địa/di tích không?

Các khu vực này có giá trị nhận diện văn hóa không?

C. THÔNG TIN LIÊN QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Khu vực xã có cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống không?

2. Dân tộc gì:

Mỗi dân tộc bao nhiêu hộ:

4. Các thủ tục người dân phải làm khi trồng rừng:

5. Các thủ tục người dân phải làm khi khai thác rừng:

6. Các loại thuế/phí/đóng góp khi trồng hoặc khi khai thác:

7. Công tác quản lý các đường dân sinh/Lâm sinh như thế nào:

8. Các loại tai nạn thường gặp trong sản xuất Lâm nghiệp/cao su:

9. Các tổ chức/dự án/chương trình hỗ trợ Lâm nghiệp/cao su trên xã:

10. Các đội nhóm/HTX tham gia vào sản xuất Lâm nghiệp/cao su:

.....

---Xin cảm ơn ông/bà đã hợp tác---



Phụ lục 2: Bảng hỏi thu thập thông tin từ hộ gia đình

Nội dung: Đánh giá tác động xã hội - SIA

Thời gian: Ngày ... thángnăm

I. THÔNG TIN HỘ GIA ĐÌNH

Câu 1. Họ và tên:.....

Câu 2. Địa chỉ:

Câu 3. Điện thoại:

Câu 4. Độ tuổi

- a) Dưới 40 tuổi
- b) Từ 41 đến 50 tuổi
- c) Từ 51 đến 60 tuổi
- d) Trên 60 tuổi

Câu 5. Dân tộc

- a) Kinh
- b) Dân tộc thiểu số (ghi cụ thể):.....

Câu 6. Nghề nghiệp chính hiện nay

.....

II. NỘI DUNG PHỎNG VẤN

Câu 1. Diện tích tham gia chứng chỉ bao nhiêu? Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không?

- 1. Có, bao nhiêu ha?.....
- 2. Không, bao nhiêu ha?

Câu 2. Ông/bà trồng cây gì trên diện tích rừng của gia đình?

- 1. Cao su
- 2. Cây bản địa, loài
- 3. Khác, loài gì?

Câu 3. Chu kỳ trồng rừng (kinh doanh rừng) của gia đình là mấy năm?

.....

Câu 4. Mật độ trồng rừng của ông/bà bao nhiêu?

.....

Câu 5. Ông/bà có xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác rừng bền vững không?

.....

Câu 6. Các hội viên có ký cam kết thời gian khai thác không?

- 1. Có, bao nhiêu năm?

.....

- 2. Không

Câu 7. Thu nhập từ trồng rừng

Sản phẩm	Rừng chưa có chứng chỉ		Rừng có chứng chỉ	
	Mủ (Triệu đồng)	Gỗ (Triệu đồng)	Mủ (Triệu đồng)	Gỗ (Triệu đồng)
Trung bình năm		-		-
Khai thác	-		-	

Câu 8. Rừng có chứng chỉ và rừng không có chứng chỉ giá cả có khác biệt không?



1. Có, giá bán từng loại từng?.....
2. Không

Câu 9. Ông/bà cho biết cơ cấu thu nhập của gia đình trong 1 năm?

1. Nông nghiệp (%):
2. Lâm nghiệp (gỗ và củ) (%):
3. Dịch vụ buôn bán (%):
4. Lương và các khoản thu nhập khác (%):

Câu 10. Ông/bà cho biết thu nhập từ hoạt động lâm nghiệp của gia đình trong 1 năm là bao nhiêu?

1. Từ bán củ cao su:
 2. Từ bán cây giống:
 3. Từ các hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ:
 4. Từ hoạt động làm công:
- Trồng rừng:
- Khai thác:
- Vận chuyển gỗ:

Câu 11. Ông/bà có được tham gia các lớp tập huấn về Kỹ thuật khai thác gỗ/củ an toàn lao động và sơ cấp cứu không?

.....
..

Câu 12. Ông/bà có trực tiếp khai thác gỗ/củ hay không?

1. Có (gỗ hay củ hay cả 2)
2. Không

Câu 13. Các phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong:

13.1. Bảo hộ an toàn khi cưa cây?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.2. Bảo hộ an toàn khi bóc vỏ?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.3. Bảo hộ an toàn khi vận chuyển gỗ lên xe (bóc vát)?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.4. Bảo hộ an toàn khi cạo củ cao su

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

Câu 14. Ông/bà có giám sát các phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong các khâu kinh doanh rừng hay không? Đặc biệt khi khai thác gỗ/củ?

1. Có, khi giám sát ông/bà chú ý đến điều gì?
.....

2. Không

Câu 15. Đường dân sinh trong vùng có bị ảnh hưởng bởi quá trình vận chuyển gỗ hay không?

1. Có, ảnh hưởng như thế nào? Đề xuất cách khắc phục?



.....
2. Không

Câu 16. Hoạt động khai thác mỏ cao su có ảnh hưởng đến đời sống của người dân xung quanh không?

1. Có, ảnh hưởng như thế nào? Đề xuất cách khắc phục?

.....
.....
.....

2. Không

--- Xin cảm ơn ông/bà đã hợp tác ---



Phụ lục 3. Danh sách các hộ dân tiến hành khảo sát hiện trường

STT	Chủ rừng	Năm trồng	Xã
1	Hoàng Văn Hùng	2019	Thuận Lợi
2	Nguyễn Trọng Cường	2019	Thuận Lợi
3	Lê Văn Hai	2019	Long Hà
4	Nông Văn Luyện	2018	Thuận Lợi
5	Hoàng Anh Bảy	2018	Thuận Lợi
6	Lâm Minh Hùng	2018	Nha Bích
7	Điền Bình	2017	Thuận Lợi
8	Lê Thị Tuấn	2017	Thuận Lợi
9	Nội Văn Hiếu	2017	Tân Lợi
10	Lường Viết Thơ	2016	Thuận Lợi
11	Nguyễn Bá Cường	2016	Nha Bích
12	Thảm Văn Quang	2016	Đồng Tâm
13	Phạm Văn Tuyển	2015	Long Hà
14	Hồng Xuân Quang	2015	Thuận Lợi
15	Vũ Đình Xinh	2015	Thuận Lợi
16	Lê Bá Đức	2014	Long Hà
17	Nguyễn Đình Toàn	2014	Thuận Lợi
18	Bùi Văn Thành	2014	Thuận Lợi
19	Phạm Văn Tân	2013	Tân Quan
20	Lê Thanh Tùng	2013	Đồng Tâm
21	Lê Thanh Tùng	2013	Đồng Tâm
22	Lường Viết Nho	2012	Thuận Lợi
23	Nguyễn Xuân Tính - Lý	2012	Phú Riêng
24	Bùi Văn Nam	2012	Phú Riêng
25	Lê Văn Bường	2011	Tân Lợi
26	Lê Quốc Lộc	2011	Phú Riêng
27	Phạm Quang Tuyển	2011	Đồng Tâm
28	Lê Hồng Tư	2010	Đồng Tâm
29	Nguyễn Thị Màu	2010	Đồng Tâm
30	Huỳnh Tấn Phước	2010	Thuận Lợi
31	Nông Văn Lợi	2009	Thuận Lợi
32	Phùng Văn Dậu	2009	Long Hà
33	Nguyễn Đức Nghĩa	2009	Long Hà
34	Đoàn Văn Ngân	2008	Đồng Tâm
35	Trần Đình Luật	2008	Thuận Lợi
36	Nguyễn Xuân Quang	2008	Thuận Lợi



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)

37	Phan Thiên Lý	2007	Thuận Lợi
38	Phạm Ngọc Hoa	2007	Nha Bích
39	Nguyễn Quang Toàn	2007	Thuận Lợi
40	Huỳnh Thị Hương	2006	Phú Riêng
41	Nguyễn Hữu Vận	2006	Tân Hưng
42	Phạm Ngọc Đoan	2006	Tân Quan
43	Nguyễn Đình Chiến	2005	Phú Riêng
44	Nông Văn Chung	2005	Thuận Lợi
45	Nguyễn Duy Trung	2005	Long Hà
46	Lương Văn Hùng	2004	Thuận Lợi
47	Hoàng Phú Sơn	2004	Đồng Tâm
48	Nguyễn Trung Tiến	2004	Long Hà
49	Nguyễn Văn Long	2003	Thuận Lợi
50	Hoàng Văn Khoa	2003	Thuận Lợi
51	Nông Duy Pô	2003	Thuận Lợi
52	Nguyễn Văn Đức	2002	Thuận Lợi
53	Nông Văn Luyện	2002	Thuận Lợi
54	Phan Văn Sâm	2002	Thuận Lợi
55	Hoàng Thị Nam	2001	Thuận Lợi
56	Lê Văn Thạch	2001	Thuận Lợi
57	Lê Thị Hà	2001	Thuận Lợi



Phụ lục 4: Danh sách phỏng vấn

STT	Họ và tên	Địa chỉ
1	Trần Hạnh Phúc	Bù Xảng - Thuận Lợi
2	Nguyễn Văn Đồng	Bù Xảng - Thuận Lợi
3	Nguyễn Văn Nam	Bù Xảng - Thuận Lợi
4	Mã Văn Ngại	Đồng Búa - Thuận Lợi
5	Nguyễn Đức Toàn	Thuận Hải - Thuận Lợi
6	Lê Văn Mạnh	Thuận Phú 1 - Thuận Lợi
7	Trần Văn Cường	Thuận Phú 2 - Thuận Lợi
8	Đàm Trung Du	Thuận Tân - Thuận Lợi
9	Nông Đại Toàn	Thuận Tân - Thuận Lợi
10	Nông Quang Thường	Thuận Tân - Thuận Lợi
11	Nguyễn Hữu Huân	Thuận Bình - Thuận Lợi
12	Đoàn Thành Nhân	Thuận Hoà 1 - Thuận Lợi
13	Đỗ Khắc Tâm	Long Hà
14	Lê Văn Hoan	Long Hà
15	Nguyễn Văn Lý	Phú Riêng
16	Quách Thị Thương	Phước Sơn
17	Trương Văn Trung	Đồng Tâm
18	Tạ Thông Thái	Đăk Ô
19	Vũ Văn Duy	Nha Bích
20	Trần Phúc Sang	Tân Lợi



Phụ lục 5. Một số hình ảnh



Tập huấn về Bộ tiêu chuẩn FSC và Thảo luận về các tác động Môi trường – Xã hội do hoạt động SXL gây ra



Phỏng vấn các hộ thành viên và hộ dân xung quanh khu vực chứng chỉ



Tập huấn Giám sát và Thực hành Giám sát cùng Ban Quản lý Nhóm CC Cao su





Khảo sát hiện trường kết hợp đo đếm trữ lượng rừng trồng cùng chủ rừng và ấp trưởng

